

Bản án số: 216/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 17/6/2020.

V/v: Tranh chấp HN&GD:

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Tiến Lợi**

2. Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/6/2020 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1968. Có mặt

2. Bị đơn: Bà H, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Đều ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai của ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông có đăng ký kết hôn với bà H, sinh năm 1969, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (tỉnh Hà Sơn Bình (cũ)) ngày 23/11/2089. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, vợ chồng không bao ban được nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là anh Lê Đại Dương, sinh năm 1991; anh Lê Tuấn Anh, sinh năm 1995 và chị Lê Thị Thảo, sinh năm 1997. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành và tự lập nên ông không đề nghị gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà H: Mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ của Tòa án nhưng bà H không đến Tòa án làm việc.

Chị Lê Thị Thảo là con đẻ của ông T và bà H và ở cùng nhà với bà H cho biết: Trong quá trình chung sống bố mẹ chị có mâu thuẫn với nhau, mẹ chị có ra ở với vợ chồng chị. Trong quá trình Tòa án giải quyết chị cũng đã nhận được văn bản của Tòa án và đã giao cho bà H nhưng không hiểu sao bà H không đến, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay ông T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do bà H không có mặt tại phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T. Về hôn nhân xử ông T được ly hôn với bà H. Về con chung: Ông T, bà H có 03 con chung là anh Lê Đại Dương, sinh năm 1991; anh Lê Tuấn Anh, sinh năm 1995 và chị Lê Thị Thảo, sinh năm 1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: ông T không yêu cầu giải quyết do đó không xem xét.

Về án phí ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông T đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Ngày 29/5/2020 Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bà H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Hôm nay Tòa án mở lại phiên tòa lần

hai, bà H vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa ông T và bà H trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Ông bà đã có thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han đến ai. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do bà H cố tình lẩn tránh và không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông T và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T có đơn đề nghị ly hôn với bà H là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có 03 con chung là anh Lê Đại Dương, sinh năm 1991; anh Lê Tuấn Anh, sinh năm 1995 và chị Lê Thị Thảo, sinh năm 1997; hiện nay các anh chị đã trưởng thành và tự lập, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.] Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Ông T được ly hôn với bà H.

Về con chung: Xác nhận ông T và bà H có 03 con chung là anh Lê Đại Dương, sinh năm 1991; anh Lê Tuấn Anh, sinh năm 1995 và chị Lê Thị Thảo, sinh năm 1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành và tự lập.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004568 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo ông T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn